TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 16/2026/DS-ST
Ngày 10.02.2026
V/v "*Tranh chấp HĐ vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ và ông Hoàng Quốc Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực - 3 Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 228/2025/TLST-DS ngày 02.10.2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2025/QĐXXST- DS, ngày 31.12.2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 228/2026/QĐST-DS ngày 22.01.2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Thái Thị Kim P, sinh năm 1963; nơi cư trú: Nhà C, số A Ông Í, phường T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- **Bị đơn**: Ông Trần Lý H, sinh năm 1955 và bà Dương Thị Diệu V, sinh năm 1962; nơi cư trú: K H, phường T, thành phố Đà Nẵng. Ông H vắng mặt, bà V có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án, trong bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

Vào năm 2012, qua mối quan hệ quen biết tôi có cho vợ chồng ông Trần Lý H và bà Dương Thị Diệu V mượn số tiền 8.050.000.000đ với lãi suất 0,25%/tháng. Sau khi mượn tiền, vợ chồng bà V ông H viện đủ lý do khất lần mãi không trả theo giấy nhận nợ ngày 18/9/2012 (âm lịch). Sau đó đến ngày 28/01/2015, bà V viết lại cho tôi giấy vay tiền để chốt lại số tiền nợ gốc là 8.050.000.000đ và tiền lãi từ năm 2012 đến ngày 28/01/2015 là 4.950.000.000đ. Tổng cộng số tiền gốc và lãi vợ chồng ông H bà

V nợ theo Giấy mượn tiền ngày 18/01/2015 là 13.000.000.000đ. Bao nhiêu năm qua, tôi đã nhiều lần gặp và đòi nợ nhưng vợ chồng ông H bà V hứa hẹn đủ lý do và sau đó cắt liên lạc. Hiện tại tôi hết sức suy sụp cả sức khỏe và tinh thần, cuộc sống gia đình tôi hết sức khó khăn. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H bà V phải trả cho tôi số tiền 13.000.0000.0000đ, trong đó nợ gốc là 8.050.000.000đ, nợ lãi là 4.950.000.000đ.

** Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Dương Thị Diệu V trình bày:*

Vào năm 2012, vợ chồng tôi có mượn của bà Thái Thị Kim P số tiền gốc là 8.050.000.000đ. Đến ngày 28/01/2015, vợ chồng tôi có ghi Giấy mượn tiền số tiền gốc 8.050.000.000đ và số tiền lãi 4.950.000.000đ. Do điều kiện làm ăn khó khăn nên tôi chưa trả nợ được cho bà P trong năm 2025 và không có khả năng trả nợ một lần. Tôi xin hẹn đến năm 2026 sẽ có phương án lấy tiền từ các nguồn khác để trả cho bà P số tiền 13.010.000.000đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thái Thị Kim P và bị đơn bà Dương Thị Diệu V xác định lại số tiền nợ, cụ thể là hai bên thống nhất tổng số nợ bà V ông H nợ bà P là 11.500.000.000đ, trong đó nợ gốc là 8.050.000.000đ và 3.450.000.000đ tiền lãi tính từ năm 2012 đến ngày xét xử.

Bị đơn ông Trần Lý H vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu vợ chồng bà V ông H phải trả cho bà P số tiền 11.500.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Thái Thị Kim P và vợ chồng ông Trần Lý H, bà Dương Thị Diệu V là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn phường T, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi,

bổ sung năm 2025 và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Lý H vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án thì bà Thái Thị Kim P và vợ chồng ông Trần Lý H, bà Dương Thị Diệu V có mối quan hệ quen biết. Năm 2012 vợ chồng ông H bà V có mượn bà P số tiền 8.050.000.000đ. Đến năm 2015 hai bên xác nhận số tiền nợ là 13.000.000.000 trong đó có phần nợ lãi là 4.950.000.000đ. Ngày 28/01/2015, vợ chồng ông H bà V có ghi Giấy mượn tiền xác nhận số tiền nợ gốc 8.050.000.000đ và số tiền lãi 4.950.000.000đ và hẹn sẽ trả nợ trước Tết Nguyên đán năm 2015. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng ông H bà V vẫn chưa thực hiện việc trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà P và vợ chồng ông H bà V đã ký kết hợp đồng dân sự về việc vay tài sản, đây là giao dịch dân sự không trái pháp luật, được giao kết tự nguyện nên được bảo vệ và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các quyền và nghĩa vụ tương ứng. Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông H bà V đã không thực hiện đứng cam kết trả nợ như thỏa thuận trong Giấy vay tiền là sẽ trả số tiền nợ trước Tết năm 2015, đến nay vẫn chưa thực hiện việc trả nợ. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng bà V ông H trả số tiền 11.500.000.000đ trong đó trong đó nợ gốc là 8.050.000.000đ và 3.450.000.000đ tiền lãi tính từ năm 2012 đến ngày xét xử, bị đơn bà V thừa nhận vợ chồng bà còn nợ bà P số tiền 11.500.000.000đ, cam kết sẽ trả trong năm 2026 nhưng không có phương án cụ thể. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng bà V ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện nghĩa vụ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bại đơn trả số tiền 11.500.000.000đ là phù hợp quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm vợ chồng ông H bà V phải chịu. Nhưng ông H bà V là người trên 60 tuổi có đơn đề nghị miễn giảm án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông H bà V.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: - Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của bà Thái Thị Kim P đối với vợ chồng ông Trần Lý H, bà Dương Thị Diệu V.

Xử: Buộc ông Trần Lý H, bà Dương Thị Diệu V phải trả cho bà Thái Thị Kim P số tiền 11.500.000.000đ (*Mười một tỷ năm trăm triệu đồng*), trong đó 8.050.000.000 đồng (*Tám tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*) tiền gốc và 3.450.000.000 đồng (*ba tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng thời gian và số tiền phải thi hành án.

3. Ông Trần Lý H, bà Dương Thị Diệu V được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Thái Thị Kim P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền 60.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Thái Thị Kim P đã nộp theo biên lai thu số 0006512 ngày 29.5.2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Đà Nẵng).

Án xử công khai, nguyên đơn, bà Thái Thị Kim P, bị đơn bà Dương Thị Diệu V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần Lý H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND KV 3 - Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Ngọc Cường